TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2022
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa***: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh T, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp V, xã T, huyện H, tỉnh A. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Chị Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp L, xã A, huyện M, tỉnh Kiên Giang. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:* Anh T và chị Đ cưới nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/6/2014. Sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cự cãi, mất hạnh phúc và ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn với chị Đ; anh T trình bày không có con chung, không tài sản và nợ chung, không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn là chị Đ vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên*

không có lời trình bày.

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Không ai yêu cầu vấn đề gì khác nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh T yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý đơn giải quyết theo khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T yêu cầu được ly hôn, không yêu cầu vấn đề gì khác nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn"*.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt trong suốt thời gian giải quyết vụ án không có lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Năm 2014 anh T và chị Đ đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn thời gian dài, hiện nay mỗi người sống một nơi, chị Đ vắng mặt trong suốt thời gian Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn được. Mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất theo yêu cầu của anh T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho anh T ly hôn với chị Đ.

[3] Anh T khai không có con chung, không tài sản và nợ chung, không yêu cầu vấn đề gì khác, chị Đ không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền yêu cầu trong vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị Đ. Anh T được ly hôn với chị Đ.

2- Về án phí sơ thẩm: Anh T chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005357 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Các đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Trường Hận